

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC,
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 226/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29-7-2024
V/v Không công nhận vợ chồng và
tranh chấp về nuôi con chung

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lê Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đình Phương.
- Ông Tạ Xuân Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thanh An, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024, về việc Tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 116/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lý Văn T, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 3 năm 2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lý Văn T trình bày: Anh và chị Lê Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019 tại thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nhưng không đăng ký kết hôn. Anh và chị H có 01 con chung tên Lý Quỳnh Nguyệt C, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2019. Quá trình sống chung, anh và chị H có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã mâu thuẫn. Anh đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Chị H bỏ về nhà mẹ ruột từ tháng 3 năm 2020, khi con còn

chưa dứt sữa mẹ nên anh nhiều lần liên hệ, gọi điện cho chị H và cả gia đình chị nhằm hàn gắn nhưng không nhận bất cứ phản hồi nào từ phía chị H. Nay xét thấy tình cảm không còn và không thể hàn gắn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung tên là Lý Quỳnh Nguyệt C, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2019. Hiện con đang sống với anh. Anh yêu cầu được nuôi con và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị H không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cũng như không tham gia tố tụng.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị H, giao con chung cho anh T nuôi và buộc chị H cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Lý Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị H, tranh chấp về con chung là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị H đang cư trú tại thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

[2] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị H vắng mặt không có lý do. Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh T.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, chỉ có anh T cung cấp tài liệu chứng cứ. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào những tài liệu chứng cứ này và kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án để giải quyết vụ án.

[4] Về hôn nhân: Anh Lý Văn T và chị Lê Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019 tại thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nhưng không đăng ký kết hôn. Tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà

không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H không hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh T nộp đơn yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với chị H vì lý do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên kinh cãi. Chị H bỏ con khi chưa dứt sữa mẹ về nhà mẹ ruột sống, trong khi anh nhiều lần liên lạc để hàn gắn vì con nhỏ nhưng chị H vẫn không đồng ý. Chị H không đến Tòa cũng như không đưa ra ý kiến gì để đoàn tụ. Anh chị không còn sống chung từ tháng 3 năm 2020. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”. Do đó, áp dụng Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị H.

[5] Về quan hệ con chung: Anh T và chị H có 01 con chung là cháu Lý Quỳnh Nguyệt C, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2019. Anh T yêu cầu được nuôi con. Xét thấy, thời gian không sống chung anh T vẫn đảm bảo các điều kiện để cháu C được phát triển bình thường. Do đó, áp dụng Điều 15, khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu C cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[6] Anh T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy, không có căn cứ xác định được mức thu nhập của chị H nên áp dụng khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, mức cấp dưỡng nuôi con được xác định không thấp hơn 1/2 mức lương tối thiểu vùng tại nơi chị H sinh sống tương đương $3.450.000 \text{ đồng} / 2 = 1.725.000 \text{ đồng}$. Do đó, căn cứ Điều 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình buộc chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu C hàng tháng, mỗi tháng 1.800.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 08 năm 2024 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi do không xác định được thời gian không sống với con cũng như vi phạm nghĩa vụ cấp dưỡng.

[7] Về tài sản chung và nợ: Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, anh Lý Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 15, 53, khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lý Văn T và chị Lê Thị H.

2. Giao con chung là cháu Lý Quỳnh Nguyệt C, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2019 cho anh Lý Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Buộc chị Lê Thị H cấp dưỡng nuôi cháu Lý Quỳnh N Cát hàng tháng, mỗi tháng 1.800.000 (một triệu tám trăm nghìn) đồng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Anh Lý Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001632 ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước.

Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nộp vào Ngân sách nhà nước.

Dương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- CC THADS huyện Tuy Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Quyên